

Số tham chiếu: 11601597/E-66978374/HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng”) và các công ty con được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 101, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

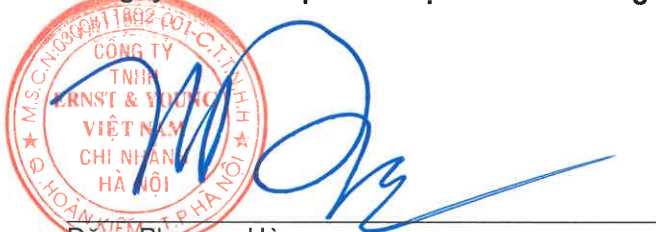
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội**



**Đặng Phương Hà**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1



**Trần Thị Thu Hiền**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng
<b>TÀI SẢN</b>			
<b>Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	<b>5</b>	<b>2.284.990</b>	<b>2.658.493</b>
<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>6</b>	<b>8.422.511</b>	<b>9.935.379</b>
<b>Tiền gửi và cấp tín dụng các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác</b>		<b>94.093.778</b>	<b>47.965.493</b>
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	81.299.073	40.771.879
Cấp tín dụng cho các TCTD khác	7.2	12.794.705	7.193.614
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>8</b>	<b>12.325.809</b>	<b>7.793.447</b>
Chứng khoán kinh doanh	8.1	12.406.274	7.850.639
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	8.2	(80.465)	(57.192)
<b>Cho vay khách hàng</b>		<b>551.472.066</b>	<b>424.662.382</b>
Cho vay khách hàng	10	566.271.290	438.338.047
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(14.799.224)	(13.675.665)
<b>Hoạt động mua nợ</b>	<b>12</b>	<b>821.761</b>	<b>893.186</b>
Mua nợ		827.971	899.936
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(6.210)	(6.750)
<b>Chứng khoán đầu tư</b>		<b>94.587.476</b>	<b>83.075.897</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	13.1	88.050.457	82.718.218
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	13.2	6.755.260	610.279
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	13.3	(218.241)	(252.600)
<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>		<b>189.210</b>	<b>189.210</b>
Đầu tư dài hạn khác	14.1	189.210	189.210
<b>Tài sản cố định</b>		<b>1.923.801</b>	<b>1.858.126</b>
Tài sản cố định hữu hình	15.1	1.298.099	1.219.108
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>		<i>2.994.200</i>	<i>2.733.537</i>
<i>Hao mòn tài sản cố định</i>		<i>(1.696.101)</i>	<i>(1.514.429)</i>
Tài sản cố định vô hình	15.2	625.702	639.018
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>		<i>1.908.548</i>	<i>1.709.523</i>
<i>Hao mòn tài sản cố định</i>		<i>(1.282.846)</i>	<i>(1.070.505)</i>
<b>Tài sản Có khác</b>		<b>51.445.520</b>	<b>51.981.273</b>
Các khoản phải thu	16.1	33.969.441	39.409.465
Các khoản lãi, phí phải thu	16.2	8.976.228	7.879.131
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24.2	1.297.724	566.968
Tài sản Có khác	16.3	7.354.383	4.205.385
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>	<i>17</i>	<i>118.507</i>	<i>195.492</i>
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	16.4	(152.256)	(79.676)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>817.566.922</b>	<b>631.012.886</b>

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Triệu đồng</i>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
<b>Các khoản nợ Chính phủ và NHNN</b>	<b>18</b>	<b>4.118.311</b>	<b>1.929.233</b>
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		4.118.311	1.929.233
<b>Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính ("TCTC"), TCTD khác</b>		<b>156.356.651</b>	<b>140.249.116</b>
Tiền gửi của các TCTD khác	19.1	83.234.756	51.325.927
Vay các TCTC, TCTD khác	19.2	73.121.895	88.923.189
<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>20</b>	<b>442.368.381</b>	<b>303.151.417</b>
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>	<b>9</b>	<b>392</b>	<b>15.369</b>
<b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>	<b>21</b>	<b>22.045</b>	<b>47.050</b>
<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>22</b>	<b>47.787.312</b>	<b>63.699.974</b>
<b>Các khoản nợ khác</b>		<b>27.118.303</b>	<b>18.418.807</b>
Các khoản lãi, phí phải trả	23.1	13.812.285	8.596.581
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	24.2	65.310	8.844
Các khoản phải trả và công nợ khác	23.2	13.240.708	9.813.382
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>677.771.395</b>	<b>527.510.966</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
Vốn		103.331.782	66.550.770
- Vốn điều lệ		79.339.236	67.434.236
- Thặng dư vốn cổ phần		23.992.546	-
- Cổ phiếu quỹ		-	(883.466)
Các quỹ của TCTD		12.233.282	13.535.084
Lợi nhuận chưa phân phối		19.065.969	16.751.804
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		5.164.494	6.664.262
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>25</b>	<b>139.795.527</b>	<b>103.501.920</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>817.566.922</b>	<b>631.012.886</b>

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
	Triệu đồng	(Trình bày lại) Triệu đồng
<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</b>	<b>40</b>	<b>550.597.539</b>
Bảo lãnh vay vốn	1.754.978	2.468.421
Cam kết giao dịch hối đoái	296.858.798	162.851.173
- Cam kết mua ngoại tệ	264.965	1.158.171
- Cam kết bán ngoại tệ	992.663	786.489
- Cam kết nhận - giao dịch hoán đổi tiền tệ	147.839.284	80.349.191
- Cam kết trả - giao dịch hoán đổi tiền tệ	147.761.886	80.557.322
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	38.680.116	46.948.724
Bảo lãnh khác	19.546.205	22.209.420
Các cam kết khác	285.115.836	316.119.801
<i>Trong đó: Hạn mức tín dụng chưa sử dụng có thể hủy ngang</i>	<i>205.810.854</i>	<i>206.575.687</i>
<b>Các khoản mục ngoại bảng khác</b>	<b>150.407.789</b>	<b>164.391.718</b>
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	41.1	8.238.825
Nợ khó đòi đã xử lý	41.2	67.869.591
Tài sản và chứng từ khác	41.3	88.283.302

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Phạm Minh Thư  
 Trưởng phòng  
 Kế toán tổng hợp và  
 Chính sách kế toán

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng  
 Kế toán Trưởng

Bà Lê Hoàng Khánh An  
 Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Đức Vinh  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

29-03-2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2023 Triệu đồng</i>	<i>Năm 2022 Triệu đồng</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	27	76.557.377	62.200.250
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	28	(38.382.701)	(21.179.192)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>38.174.676</b>	<b>41.021.058</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		12.307.787	10.455.695
Chi phí hoạt động dịch vụ		(5.095.905)	(4.017.943)
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>29</b>	<b>7.211.882</b>	<b>6.437.752</b>
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>30</b>	<b>(805.973)</b>	<b>(618.050)</b>
<b>Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>31</b>	<b>380.173</b>	<b>(149.194)</b>
<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>32</b>	<b>250.032</b>	<b>508.755</b>
Thu nhập từ hoạt động khác		7.774.012	13.017.039
Chi phí cho hoạt động khác		(3.248.461)	(2.433.072)
<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>33</b>	<b>4.525.551</b>	<b>10.583.967</b>
<b>Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần</b>	<b>34</b>	<b>3.147</b>	<b>12.801</b>
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>		<b>49.739.488</b>	<b>57.797.089</b>
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>35</b>	<b>(13.941.218)</b>	<b>(14.115.731)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>35.798.270</b>	<b>43.681.358</b>
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	36	(24.994.374)	(22.461.226)
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>10.803.896</b>	<b>21.220.132</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.1	(2.984.015)	(4.859.848)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		674.290	548.523
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>24</b>	<b>(2.309.725)</b>	<b>(4.311.325)</b>
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>		<b>8.494.171</b>	<b>16.908.807</b>
<b>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>		<b>(1.479.768)</b>	<b>(1.259.161)</b>
<b>Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng</b>		<b>9.973.939</b>	<b>18.167.968</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>26</b>	<b>1.433</b>	<b>2.718</b>

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:





Bà Phạm Minh Thư  
Trưởng phòng  
Kế toán tổng hợp và  
Chính sách kế toán

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Bà Lê Hoàng Khánh An  
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Đức Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

29-03-2024